TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/KDTM-ST
Ngày 28-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây
2. Ông Bồ Quốc Khánh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 72/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV D; địa chỉ: Số A đường N, khu B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số H đường N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 24/7/2025). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH R; địa chỉ: T đất số 922, tờ bản đồ số 6, đường số A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2025, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV D (sau đây gọi tắt là Công ty D) và Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R) có thoả thuận mua bán hàng hoá các loại là dây kéo, đinh kẹp, dây thép bọc giấy, móc lò xo…việc mua bán giữa hai công ty diễn ra trong thời gian dài, không lập hợp đồng mua bán. Theo đó, bên Công ty D là bên bán hàng, hai bên thoả thuận việc mua bán dựa trên đơn đặt hàng của Công ty R. Khi Công ty D nhận được đơn hàng từ phía Công ty R thì tiến hành giao đơn hàng, sau khi giao hàng sẽ tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng và chốt công nợ. Quá trình mua bán hàng Công ty R còn nợ Công ty D các hoá đơn sau: Hoá đơn số 1344, 1345 ngày 25/9/2024; Hoá đơn số 1579, 1580 ngày 26/10/2024; Hoá đơn số 1844, 1845 ngày 29/11/2024; Hoá đơn số 1960 và 1961 ngày 27/12/2024 với tổng số tiền 406.880.156 đồng. Công ty D đã nhiều lần yêu cầu Công ty R thanh toán công nợ nhưng Công ty R1 không thanh toán. Vì vậy, Công ty D yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty R phải thanh toán toàn bộ số nợ 406.880.156 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng tương ứng số tiền tạm tính là 32.795.120 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn xác định trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 100.000.000 đồng tiền nợ theo hoá đơn số 1344 ngày 25/9/2024 nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 306.880.156 đồng và tiền nợ lãi là 48.466.372 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 355.346.528 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH R:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 07/11/2025, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 24/11/2025 và 28/11/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Xét lời trình bày của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định, vào năm 2024, Công ty D và Công ty R có thoả thuận về việc mua bán hàng hoá. Công ty D đã thực hiện việc bán hàng cho Công ty R, đã xuất hoá đơn với tổng số tiền là 406.880.156 đồng. Sau khi nhận hoá đơn giá trị gia tăng, bị đơn không có ý kiến gì nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Điều này được thể hiện qua việc công nợ từ năm 2024 nhưng đến khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn mới thanh toán được số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 18/11/2025. Do Công ty R vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xét có cơ sở chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc còn lại là 306.880.156 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định. Thời gian chậm thanh toán tính trên từng hoá đơn đến ngày xét xử với số tiền 48.466.372 đồng. Như đã phân tích ở phần trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 48.466.372 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D, buộc Công ty R phải thanh toán cho Công ty D tổng số tiền là 355.346.528 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV D về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH R trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV D đối với bị đơn Công ty TNHH R về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

Buộc Công ty TNHH R có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV D tổng số tiền 355.346.528 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH R phải nộp số tiền 17.767.326 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV D số tiền 10.794.000 đồng (Mười triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019757 ngày 25/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết